TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 14-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Châu.

Ông Phan Văn Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Tạ Ngọc N**, địa chỉ thường trú: Số 14 Đường P, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số 60 đường M, Khóm 3, Phường 9, thành S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phan Hoàng N1**, địa chỉ: Số 50 đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Số 60 đường M, Khóm 3, Phường 9, thành S, tỉnh Sóc Trăng; (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 12 năm 2019 - vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà **Trang Thị Bích T** (vắng mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn Lâm A** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 30, đường Đ, Khóm 2, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 của nguyên đơn và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/01/2021 của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Tạ Ngọc N và vợ chồng ông Nguyễn Văn Lâm A, bà Trang Thị Bích T quen biết nhau nhiều năm, nên bà N có cho ông Anh, bà T vay tiền tổng cộng 4 lần, cụ thể: Lần 1: Vào ngày 09/05/2015, bà N cho ông Nguyễn Văn Lâm A mượn số tiền: 200.000.000 đồng; Lần 2: Vào ngày 17/07/2016 AL (19/08/2016), bà N cho bà Trang Thị Bích T mượn số tiền: 30.000.000 đồng; lần 3: Vào ngày 15/08/2016, bà N cho bà Trang Thị Bích T mượn số tiền: 706.000.000 đồng; lần 4: Vào ngày 15/08/2016, bà N cho bà Trang Thị Bích T mượn số tiền là: 128.000.000 đồng. Do đến hạn trả nợ nhưng ông Anh và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Bà N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T phải trả 04 khoản cho bà N là: 1.447.040.000đồng, Trong đó: nợ gốc: 1.064.000.000 đồng; tiền lãi là 383.040.000đồng lãi (tính từ ngày 14/01/2017 đến 14/01/2021: 4 năm x 9 %/ năm x 1.064.000.000đồng); bà T và ông Lâm Anh phải trả lãi cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp tờ cam kết, ngày 09/5/2015, họ tên và chữ ký người mượn Nguyễn Văn Lâm A; Ba tờ cam kết, các ngày 17/7/2016 AL; 15/8/2016, họ tên và chữ ký người mượn Trang Thị Bích T;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Văn Lâm A, bà Trang Thị Bích T không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Tạ Ngọc N đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Tạ Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T trả nợ gốc và lãi kèm theo các tờ cam kết; ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T cư trú tại số 30, đường Đ, Khóm 2, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Đối với nguyên đơn có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Hoàng N1 vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng

xét xử căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tại phiên tòa đối với nguyên đơn.

[3] Đối với ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T quá trình tố tụng Tòa án tiến hành cấp tống đạt văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Văm Lâm A và bà Trang Thị Bích T theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong 04 tờ cam kết, qua xác minh ông A và bà T không có mặt tại địa chỉ số 30, đường Đ, Khóm 2, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Tòa án xác minh thông tin ông A, bà T chưa có thông tin xuất nhập cảnh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, ông A và bà T không có mặt tại địa chỉ trên và không thông báo cho nguyên đơn về việc thay đổi nơi cư trú thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Ông A và bà T từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án đến đưa vụ án ra xét xử đã được niêm yết đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định: Ông A và bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông, bà.

[4] Về pháp luật áp dụng nội dung: Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều khoản chuyển tiếp*: "1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: ...b) Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này";* Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà bà Tạ Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết chưa thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên pháp luật áp dụng nội dung theo quy định Bộ luật dân sự 2015.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Ngọc N: Bà N khởi kiện ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T trả số tiền nợ gốc 1.064.000.000 đồng, cung cấp tờ cam kết, ngày 09/5/2015, họ tên và chữ ký người mượn "Nguyễn Văn Lâm A", số chứng minh nhân dân: "365045611"; Ba tờ cam kết, các ngày 17/7/2016 AL; 15/8/2016, họ tên và chữ ký người mượn "Trang Thị Bích T" số chứng minh nhân dân: "366225493" là chứng cứ theo quy định khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở Hội đồng xét xử xác định: Ông A và bà T có vay tiền của bà Tạ Ngọc N với số tiền tổng cộng 1.064.000.000 đồng, trong 04 lần vay, bà T và ông A cam kết góp trả đủ số tiền trong thời hạn cam kết đối với từng lần vay. Tuy nhiên, đến hạn từng lần vay, bà T và ông A vẫn chưa trả đủ tiền như cam kết đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của

bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Ngọc N đối với phần nợ gốc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Tại nội dung 04 tờ cam kết không xác định được rõ lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự: *Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*. Như vậy, lãi suất trong trường hợp không xác định rõ lãi suất là không được vượt quá 10%/năm. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất trong từng lần vay, với mức lãi suất 9%/năm (từ ngày 14/01/2017 đến ngày 14/01/2021) là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm của ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T đối với yêu cầu của bà N: Ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T là vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với yêu cầu của bà N theo quy định Điều 27; Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T là bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 95, Điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 27; Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Ngọc N:

Buộc ông Nguyễn Văn Lâm A và bà Trang Thị Bích T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tạ Ngọc N số tiền còn nợ tổng cộng 1.447.040.000đồng (*Một tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)*, Trong đó: nợ gốc: 1.064.000.000 đồng; tiền lãi: 383.040.000 đồng;

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tạ Ngọc N không phải chịu, trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.960.000 đồng *(Hai mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)* theo biên lai số 0001515 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Nguyễn Văn Lâm A và bà bà Trang Thị Bích T phải chịu là 55.411.200 đồng *(Năm mươi lăm triệu bốn trăm mười một nghìn hai trăm đồng)*

3/. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Văn Như